

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HC-ST;

Ngày: 31/8/2023;

*Về khiếu kiện: “Quyết định
hành chính về quản lý đất
đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hồng Thùy;
2. Ông Nguyễn Trọng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm hội trường xét xử trực tuyến Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre và điểm cầu thành phần Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số 13/2023/TLST-HC ngày 12/05/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 2376/2023/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953 ;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Công D, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T – Giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Nguyễn Thị Bích H1 – Phó trưởng phòng kiểm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1946; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1979; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

3. Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, khu phố G, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người khởi kiện – ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H là người quản lý, sử dụng thửa đất số 1180 tờ bản đồ số 1, theo số liệu mới thuộc thửa 146-1 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích 650m².

Nguồn gốc thửa đất 1180 tờ bản đồ số 1 là ông của ông H là ông Nguyễn Văn Ú để lại cho cha ông H là ông Nguyễn Văn p và mẹ ông H là bà Lê Thị N canh tác từ năm 1992; sau đó, cha mẹ ông H để lại cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng.

Căn cứ vào bản án sơ thẩm số 08/2014/DS/ST của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 21/01/2014 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Lê Thị N với bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 thì Tòa án nhân dân 2 huyện Bình đại quyết định: công nhận quyền sử dụng đất 650m² thuộc thửa

1180 tờ bản đồ số 1 theo số liệu mới thuộc thửa 146-1 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị N; bà N có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị T1 sang tên cho bà Lê Thị N tại thửa 180 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích 650m² theo quy định của pháp luật.

Sau đó, gia đình ông H có liên hệ Ủy ban nhân dân xã T để làm các thủ tục: Giấy ủy quyền, văn bản phân chia tài sản thừa kế, đơn đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phiếu lấy ý kiến khu dân cư và văn bản kết thúc công khai ngày 16/4/2019.

Đến ngày 03/5/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện B có công văn số:421/TB-CNBD thông báo bổ sung hồ sơ địa chính có nêu: đề nghị UBND xã T mời làm việc để hoàn thành thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T1. Sau đó ông H có đến liên hệ xã thì Cán bộ địa hình xã nhiều lần hứa hẹn với ông H mà không hoàn thiện hồ sơ.

'Thời gian gần đây, gia đình ông H phát hiện bà T1 đã lập hợp đồng tặng cho đất thửa 319 tờ bản đồ số 5 (thửa 1180 cũ) với diện tích 650m² nêu trên cho bà Nguyễn Thị Kiều O vào ngày 12/4/2019. Đến ngày 19/4/2019, bà T1 đăng ký biến động thửa đất 1180 tờ bản đồ số 1 nêu trên thành thửa 319 tờ bản đồ số 5. Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho bà O thửa 319 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/5/2019 có diện tích cấp là 650m².

Ngày 29/5/2019, bà O lập hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất thửa 319 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị Ngọc G. Đến ngày 04/6/2019, bà O đăng ký biến động thửa đất số 319 tờ bản đồ số 5 nói trên.

Đến tháng 3/2023, ông H có làm đơn kiến nghị gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc cấp sai đối tượng sử dụng đất (không đúng người sử dụng đất) đối với thửa 319 tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre do ông H sử dụng và quản lý, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O vào ngày 16/6/2019.

Ngày 31/3/2023, Sở T – Thanh tra sở đã có văn bản số 35TT-KNTC trả lời đơn kiến nghị của ông H với nội dung thống nhất hướng dẫn ông H liên hệ Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre để làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng hành chính đối với sở T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O không đúng đối

tượng sử dụng(không đúng người sử dụng đất) đối với thửa 319 tờ bản đồ số 5 có diện tích là 650m² tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Do đó, ông Nguyễn Văn H Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành CR 409658; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04797 vào ngày 16/05/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho Nguyễn Thị Kiều O thửa đất 319, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích cấp là 650m².

Theo văn bản số 2334/STNMT-VPĐK ngày 10/6/2023 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B – ông Trần Quang M trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại đơn vị, Sở T xin phúc đáp như sau:

Sở T cấp Giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Kiều O có số phát hành CR 409658, số vào sổ cấp GCN: CS04797 thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre dựa trên cơ sở:

- Về quy định: Căn cứ Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Về quy trình: Thực hiện theo Thủ tục số 17 thuộc Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc công bố 95 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tài nguyên môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở T.

- Về giấy tờ hợp pháp:

- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Nguyễn Thị T1 có số phát hành AD 209152, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00496, ngày 15 tháng 11 năm 2005, thửa đất số 1180, tờ bản đồ 1 (bản đồ cũ), hiện nay theo số liệu đo đạc chính quy là thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- + Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1689, quyền số 03/2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12 tháng 4 năm 2019 do Văn phòng C chứng nhận.

Hiện tại, thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B bà Nguyễn Thị Kiều O đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị Ngọc G theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1057, quyền số 01/ TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29 tháng 5 năm 2019 do Văn phòng C1 chứng nhận và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký

đất đai huyện B xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận có số phát hành CR 409658, sổ vào sổ cấp GCN CS04797 vào ngày 19 tháng 6 năm 2019.

Căn cứ khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai; Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Thanh tra Sở T đã có Công văn số 35/TT-KNTC về việc trả lời Đơn Kiến nghị của ông Nguyễn Văn H và hướng dẫn ông liên hệ Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre để thực hiện quyền công dân theo quy định.

Việc ông Nguyễn Văn H yêu cầu Sở T “hủy” Giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O có số phát hành CR 409658, sổ vào sổ cấp GCN CS04797, phải đảm bảo theo quy định tại khoản 7, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Nếu yêu cầu “thu hồi” Giấy chứng nhận đã cấp phải thực hiện đúng theo quy định tại khoản 6, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến chấp hành theo quyết định của Tòa án về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số phát hành CR 409658, vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ số CS04797 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O ngày 16/5/2019, đăng ký biến động chuyển sang tên bà G ngày 19/6/2019 đối với phần đất có diện tích 650m² thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Lê Ngọc G đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, HĐXX xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

[2] Đối tượng khởi kiện: Ông H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số phát hành CR 409658, vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ số CS04797 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O ngày 16/5/2019, đã đăng ký biến động sang tên bà G ngày 19/6/2019 đối với phần đất có diện tích 650m² thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, đối tượng khởi kiện trong vụ án là Giấy CNQSDĐ có các thông tin nói trên.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Hồ sơ thể hiện, ông H là con của bà Lê Thị N. Bà N là người thắng kiện trong vụ án tranh chấp QSD đất với bà Nguyễn Thị T1. Bản án đã có hiệu lực pháp luật số 08/2014/DSST ngày 21/01/2014 của TAND huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre có nội dung quyết định công nhận cho bà N phần đất có diện tích 650m², thuộc 1180, tờ bản đồ số 1 (thửa mới thửa 146-1, tờ bản đồ số 5), tọa lạc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Bà N có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy CNSĐĐ từ bà Nguyễn Thị T1 sang bà N phần đất nói trên.

Ông H sau khi được gia đình ủy quyền đã liên hệ Chi nhánh Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B thực hiện thủ tục nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 03/5/2019, Chi nhánh Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B có thông báo gọi cho ông H yêu cầu ông H liên hệ UBND xã T, huyện B hoàn thành thủ tục thu hồi Giấy CNQSDĐ của bà T1. Ông H đã liên hệ UBND xã Thạnh trị nhiều lần nhưng UBND xã không hoàn thiện hồ sơ. Thời gian gần đây, ông H phát hiện bà T1 đã sang nhượng QSD đất phần đất tên cho con gái là Nguyễn Thị Kiều O và bà O đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp QSDĐ cho bà O phần đất trên với số thửa mới là thửa 319, tờ bản đồ số 5. Ngày 29/5/2019 bà O làm Hợp đồng CNQSDĐ cho bà Lê Thị Ngọc G thửa đất trên và bà G đã thực hiện đăng ký biến động đất.

Tháng 3/2023, Ông H đã thực hiện việc khiếu nại và đến ngày 30/3/2023, Sở T tỉnh có hướng dẫn ông làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án.

Ngày 12/4/202, Tòa án nhận đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông H. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện là “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính...”, do đó ông H khởi kiện vẫn còn thời hiệu. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thu lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSDĐ: Căn cứ quy định của luật Đất đai 2013 thì Sở T cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Kiều O, đăng ký biến động cho bà G là đúng thẩm quyền.

[5] Về trình tự thủ tục và nội dung của quyết định hành chính:

Ông H yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ nói trên và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đồng ý theo quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T1, bà O, bà G không có mặt ở địa phương nên Tòa án không có ý kiến của các bà về yêu cầu khởi kiện của ông H.

Nhận thấy, phần đất ông H có yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ có diện tích 650m² thuộc thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, hiện do bà O đứng tên QSD đất. Theo hồ sơ cấp QSD đất thể hiện bà O được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp QSD trên cơ sở bà được nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ ruột của bà O). Tuy nhiên, phần đất này vào thời điểm năm 2019 có số thửa là 146-1, tờ bản đồ số 5 đã có Bản án có hiệu lực pháp luật số 08/2014/DSST ngày 21/01/2014 của TAND huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tuyên công nhận cho bà N phần đất có diện tích 650m², thuộc 1180, tờ bản đồ số 1 (thửa mới thửa 146-1, tờ bản đồ số 5), xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ quy định tại Điều 19 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 thì: “Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”. Như vậy, tại thời điểm tháng 4/2019, ông H (là người được gia đình ủy quyền thực hiện việc liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để thực hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật), Bản án số 08/2014/DSST đã có hiệu lực pháp luật. Ông H đã nộp Bản án nói trên và yêu cầu Chi nhánh Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B thực hiện các thủ tục cấp QSDĐ theo bản án. Chi nhánh Văn phòng ĐKQSDĐ huyện B đã biết sự tồn tại của bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần nghiêm chỉnh chấp hành theo bản án. Tuy nhiên, đến tháng 5/2019, Chi nhánh lại tiếp nhận đơn đăng ký biến động và hồ sơ tặng cho QSDĐ của bà T1 cho bà O để

thực hiện thủ tục đăng ký biến động làm cơ sở để được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp QSDĐ cho bà O là không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án là bà N và ông H. Ngoài ra, đến ngày 19/6/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B tiếp tục thực hiện đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nói trên từ bà O sang bà G là không đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 6, 7, Điều 87 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ thì trong trường hợp trên của người bị thi hành án, Văn phòng đăng ký QSDĐ tham mưu cho UBND huyện B thu hồi QSD đất mà người bị thu hồi không nộp, Văn phòng đăng ký QSDĐ có trách nhiệm báo cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp. Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện B đã không thực hiện việc tổ chức và theo dõi việc thu hồi để báo cáo lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B), lại đăng ký chuyển dịch từ bà T1 sang cho bà O, đăng ký biến động từ bà O sang bà G là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B căn cứ vào hồ sơ thẩm định của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà O và đăng ký biến động sang tên bà G là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số phát hành CR 409658, vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ số CS04797 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O ngày 16/5/2019, đăng ký biến động chuyển sang tên bà G ngày 19/6/2019 đối với phần đất có diện tích 650m² thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 116, Điều 82, Điều 193, Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 19 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTƯ-VQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn H đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B về việc khiếu kiện: “Quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số phát hành CR 409658, vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ số CS04797 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Kiều O ngày 16/5/2019, đăng ký biến động chuyển sang tên bà G ngày 19/6/2023 đối với phần đất có diện tích 650m² thửa đất số 319, tờ bản đồ số 5, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hồng Thùy

Nguyễn Trọng Vinh

Lê Văn Phận

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Phận